

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm N Quyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Quy.
2. Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 310/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Huy D**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà 8, KDC 3, ấp B, xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

**2. Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị Mai T1**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 8, KDC 3, ấp B, xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T1 vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2020; bản tự khai; các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các biên bản hòa giải nguyên đơn là anh Nguyễn Huy D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 14/8/1998. Vợ chồng sống chung đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên bất đồng quan điểm sống với nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận với nhau nên hai vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Anh và chị T1 đã nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng. Chị T1 đã đuổi anh ra khỏi nhà nên anh và chị T1 không còn chung sống với nhau nữa. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1.

Về con chung: Anh và chị T1 có 02 con chung tên là Nguyễn N T2, sinh ngày 09/10/1998 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 15/9/2006. Do cháu T2 đã thành niên và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Anh đồng ý giao cháu N cho chị T1 nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai T1: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị T1 vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của chị T1.

*Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Huy D.

Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Minh N, sinh ngày 15/9/2006 cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng khi ly hôn, tạm thời anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, không giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Huy D chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị Nguyễn Thị Mai T1 hiện cư trú tại ấp B, xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh D yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị T1 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Anh Nguyễn Huy D là nguyên đơn; chị Nguyễn Thị Mai T1 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Mai T1 và đã mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng chị T1 vắng mặt mà không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của các đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện chị T1 và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xung đột trong cuộc sống, anh D và chị T1 hiện nay không còn chung sống với nhau, phù hợp với nội dung xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của anh D và chị T1 (BL22). Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của anh D, chị T1 mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Huy D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

[6] Về con chung: Anh D và chị T1 có hai con chung tên là Nguyễn N T2, sinh ngày 09/10/1998 và Nguyễn Minh N, sinh ngày 15/9/2006. Do cháu T2 đã thành niên và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, không giải quyết. Qua kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ ở địa phương thể hiện trong thời gian không sống chung với nhau, chị T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, hiện nay chị T1 có công việc, thu nhập và nơi cư trú ổn định; anh D cũng tự nguyện giao cháu N cho chị T1 nuôi dưỡng. Xét thấy chị T1 đủ điều

kiện để đảm bảo việc chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu N, nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm thời anh D không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Huy D chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 5, 6, 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; các điều 8, 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Huy D.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Huy D được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mai T1.

**2.** Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh N, sinh ngày 15/9/2006 cho chị Nguyễn Thị Mai T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Huy D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Huy D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí: Anh Nguyễn Huy D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí anh D đã nộp, theo Biên lai thu số 0005244 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí anh D phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận :***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Định Quán;
- Thi hành án dân sự H. Định Quán;
- UBND cấp xã (ghi vào sổ hộ tịch);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm N Quyền**